

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 213/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Minh Tân; ông Ngô Kim Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân N phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 402024/QĐHPT ngày 06-6-2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Đức N, sinh năm 1984; căn cước công dân số 036084012489; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 139 L, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1984; căn cước công dân số 036185004619; nơi đăng ký thường trú: Số 139 L, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 6/45 đường V, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Chị L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18-4-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - anh Lê Đắc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N vào ngày 03-11-2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau, anh đã về nhà đẻ ở và vợ chồng ly thân từ năm 2023 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Anh nhận thấy tình cảm không còn nên xin ly hôn với chị L.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có hai con chung là Lê Tuấn T sinh ngày 24-7-2007 và Lê Tuấn H sinh ngày 05-8-2016. Ngày 24-4-2024 cháu T có đơn đề nghị được ở với anh N và cháu H có đơn đề nghị được ở chị L nếu bố mẹ ly hôn. Quan điểm của anh N về con chung là tôn trọng nguyện vọng của hai cháu đồng thời hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị L nhưng chị L không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh N đồng thời chị cũng không đến Tòa án để làm việc.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương xác nhận vợ chồng anh Lê Đắc N và chị Lê Thị L sinh sống tại số 6/45 đường V, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định và có hai con chung là Lê Tuấn T sinh năm 2007 và Lê Tuấn H sinh năm 2016. Vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nhưng không báo Tổ dân phố nên Tổ dân phố không biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N căn cứ vào các Điều 21, 58, 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa anh Lê Đắc N và chị Lê Thị L đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa anh N và chị L.

Về con chung: Giao anh N nuôi cháu T sinh năm 2007, chị L nuôi cháu H sinh năm 2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Anh Lê Đắc N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Lê Thị L đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Anh Lê Đắc N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N và chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đắc N và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cửa Nam, thành phố N vào ngày 03-11-2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng anh chị cũng không có biện pháp giải quyết khiến mâu thuẫn trở nên căng thẳng. Anh N đã về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ năm 2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Chị L không có văn bản trình bày ý kiến quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh N, cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa chị L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Điều đó thể hiện, chị L không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh N và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử lý hôn giữa anh Lê Đắc N và chị Lê Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Nguyên vọng cháu T được ở với anh N, cháu H được ở với chị L. Xét thấy, quan điểm của anh N về con chung là xin trực tiếp nuôi cháu T và tôn trọng nguyện vọng của hai cháu là không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Tú cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hưng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, bản thân anh N và chị L cũng đang phải thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N về việc hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh N không yêu cầu và chị Lê Thị L không đến Toà án để làm việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là anh Lê Đắc N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Lê Đắc N và chị Lê Thị L.

2. Về con chung: Giao anh Lê Đắc N nuôi cháu Lê Tuấn T sinh ngày 24-7-2007, chị Lê Thị L nuôi cháu Lê Tuấn H sinh ngày 05-8-2016.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Lê Đắc N và chị Lê Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Đắc N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002074 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự phố Nam Định. Án phí ly hôn anh Lê Đắc N đã nộp đủ.

4. Anh Lê Đắc N và chị Lê Thị L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường C;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên

